

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 750/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 222/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1964
Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thiên T**, sinh năm: 1966
Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Thiên T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2021, bản tự khai ngày 26 tháng 3, năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thiên T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức đám cưới do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 09 tháng 9 năm 2009. Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống bình thường nhưng cũng có cãi cọ với nhau. Đến tháng 9 năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà đi buôn bán về trễ nên vợ chồng xảy ra cãi vã, chửi bới, ông T đánh đập bà trước mặt các con. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Mặc dù bà đã hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không thành nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thiên T.

Về con chung: Có 03 con chung là trẻ Nguyễn Thiên T1, sinh ngày 10/4/2010, trẻ Nguyễn Thiên T2, sinh ngày 18/4/2012 và trẻ Nguyễn Ngọc Như X, sinh ngày 20/7/2017. Hiện các con đang ở cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ T1, trẻ T2 và trẻ Ý; bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thiên T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T; Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Thiên T, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Thiên T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thiên T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thiên T đăng ký kết hôn vào ngày 09/9/2009 tại Ủy ban nhân dân phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 179/2009, quyền số I/P.15. Căn cứ Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan

hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thiên T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Ông Nguyễn Thiên T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên ông phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào đơn xin ly hôn, bản tự khai của bà T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T xác nhận thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng cũng có xảy ra cãi vã với nhau. Đến tháng 9 năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà đi buôn bán về trễ nên vợ chồng xảy ra cãi vã, ông T chửi bới và đánh đập bà trước mặt các con. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Mặc dù bà đã hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không thành do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thiên T.

[6] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

[7] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

[8] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại Công văn số 166/UBND ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung như sau:

[9] *“Hiện tại giữa bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Thiên T không còn chung sống với nhau và đã ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay... Trong quá trình sinh sống tại địa phương, giữa bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Thiên T không có mâu thuẫn, nhưng do cả hai không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân...”*

[10] Mặc dù tại địa phương chưa hòa giải mâu thuẫn hôn nhân cho bà T và ông T nhưng căn cứ vào lời khai của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình chung sống giữa bà T và ông T có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng xảy ra cãi vã, ông T có hành vi đánh đập bà T trước mặt con cái thể hiện tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau. Bà T và ông T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay, mỗi người sống mỗi nơi. Điều này cho thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà T và ông T đã không còn, vợ chồng không còn sự quan

tâm, chăm sóc, chia sẻ và thực hiện các công việc gia đình. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham dự các phiên hòa giải và các phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cũng chứng tỏ ông T không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không còn ý nghĩa gì nữa. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông T là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về con chung: Bà T xác nhận trong quá trình chung sống, bà và ông T có 03 con chung là trẻ Nguyễn Thiên T1, sinh ngày 10/4/2010, trẻ Nguyễn Thiên T2, sinh ngày 18/4/2012 và trẻ Nguyễn Ngọc Như X, sinh ngày 20/7/2017. Hiện các con đang sống cùng bà. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ T1, trẻ T2 và trẻ X.

[12] Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[13] Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 26/3/2021 của trẻ Nguyễn Thiên T1 và trẻ Nguyễn Thiên T2 đều thể hiện mong muốn sống cùng mẹ. Do ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho nên ông đã tự từ bỏ các quyền về nuôi dưỡng con chung, quyền chứng minh điều kiện, khả năng chăm sóc con chung nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của nguyên đơn, nếu sau này các đương sự có tranh chấp về con chung sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Bà T xác nhận hiện tại các con đang sống cùng bà. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ giao Nguyễn Thiên T1, sinh ngày 10/4/2010, trẻ Nguyễn Thiên T2, sinh ngày 18/4/2012 và trẻ Nguyễn Ngọc Như X, sinh ngày 20/7/2017 cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con và đảm bảo không thay đổi môi trường sống, học tập cho các trẻ.

[14] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; nếu sau này các đương sự có sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[15] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[16] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[17] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thiên T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thiên T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 179/2009, quyền số I/P.15, đăng ký ngày 09/09/2009 tại Ủy ban nhân dân phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thiên T có 03 (ba) con chung là trẻ Nguyễn Thiên T1, sinh ngày 10/4/2010, trẻ Nguyễn Thiên T2, sinh ngày 18/4/2012 và trẻ Nguyễn Ngọc Như X, sinh ngày 20/7/2017.

Giao trẻ Nguyễn Thiên T1, trẻ Nguyễn Thiên T2 và trẻ Nguyễn Ngọc Như X cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung đối với ông Nguyễn Thiên T.

Ông Nguyễn Thiên T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/00081062 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thiên T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án. (14)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Tuyền

